

Bản án số: 09/2018/HS-ST.

Ngày: 25-01-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa.

2. Ông Phạm Văn Tư.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2017/HSST, ngày 27/12/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Diệp N, sinh năm 1979 tại tỉnh Vĩnh Long.

Nơi cư trú: Số nhà 04, đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Nơi ở hiện nay : Số nhà 04, đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không có nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Diệp M, sinh năm 1946 và bà Nguyễn N (chết); anh, chị, em ruột: Có 14 người; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không có.

Tiền sự: 01 lần, ngày 22/7/2017 bị phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng (chưa chấp hành).

Bị cáo đang được cho tại ngoại.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có mặt.

Người bị hại:

1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1973, nơi cư trú: Số nhà 3B, Khóm 2, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn V, sinh năm 1964, nơi cư trú: Số nhà 52, đường N, Khóm 2, Phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị K, sinh năm 1980, nơi cư trú: Số nhà 23, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi , tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Diệp N là đối tượng nghiện ma túy, ngày 22/7/2017 N đã bị Công an Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi vi phạm vi phạm tài sản, N chưa chấp hành việc nộp tiền phạt. Khoảng 17 giờ ngày 23/8/2017 N đang ở nhà tại số 04, đường T, Phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long thì có Trần Thị K đi xe mô tô biển kiểm soát số 86V1- 5245 đến gặp N và rủ N đi tìm tài sản để trộm, do muốn có tiền để sử dụng ma túy nên N đã đồng ý, đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 24/8/2017 N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát nêu trên chở K đi trên đường Nguyễn Đ, Phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long tìm tài sản để trộm, khi đi ngang qua quán cà phê Diễm Ngô của anh Lê Văn M, tại số 3B, Khóm 2, Phường 9, thành phố V, N phát hiện có 10 cái ghế màu đỏ, N dừng xe lại trước hàng rào của quán, N trèo rào vô bên trong quán, còn K ngồi ở ngoài cảnh giới, N lấy ghế chuyển ra ngoài cho K, xong N trèo rào ra ngoài và tiếp tục điều khiển xe chở K ngồi phía sau ôm 10 cái ghế chạy đến đường P, Phường 4, thành phố V để tìm nơi tiêu thụ, lúc này có lực lượng Công an Phường 4, thành phố V trên đường tuần tra phát hiện bắt giữ và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V để thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận số: 113/HĐĐG&TTHS, ngày 30/8/2017 đã kết luận, giá trị 10 cái ghế nhựa là 250.000 đồng. Quá trình điều tra Công an đã trao trả tài sản lại cho anh M xong, anh M không còn yêu cầu gì.

Đối với Trần Thị K có tham gia vào vụ trộm cắp nêu trên, nhưng hành vi của K chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hành sự theo quy định, nên đã đề nghị xử lý hành chính đối với K xong.

Riêng xe mô tô biển kiểm soát số 86V1- 5245 do K khai mượn của một người tên P không rõ họ, tên, vì vậy không làm việc được, Cơ quan Công an thành phố V đã có ủy thác cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Thuận để xác minh làm rõ nguồn gốc xe đến nay chưa có kết quả, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V tách riêng tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

Trong quá trình điều tra N tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản. Vào khoảng 10 giờ ngày 03/11/2017 N đi bộ đến trước nhà anh Nguyễn V, tại số 3, Khóm 2,

Phường 3, thành phố V dùng kiềm cắt trộm hai cuộn dây điện thì bị anh V phát hiện bắt giữ, thu giữ hai cuộn dây điện, một cây kiềm cộng lực, một túi xách bằng nhựa và chuyển vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an thành phố V để xử lý.

Tại Kết luận số: 145/HĐĐG&TTHS, ngày 15/11/2017 đã kết luận, giá trị hai cuộn dây điện là 361.023 đồng. Quá trình điều tra Công an đã trao trả tài sản lại cho anh V xong, anh V không còn yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS, ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đã truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Sau khi bị cáo nghe Kiểm sát viên đọc xong Cáo trạng bị cáo không có ý kiến gì và đồng ý với nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản.

Bị hại là ông M, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, ông V tại phiên tòa không có ý kiến gì khác so với lời khai tại Cơ quan điều tra.

Sau khi nghe lời trình bày của bị cáo, lời trình bày của bị hại tại phiên tòa. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 01/CT-VKS, ngày 25/12/2017 mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Diệp N về tội “*trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Khi luận tội xong, Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, về phần dân sự Kiểm sát viên đề nghị không xem xét vì tài sản đã trả cho bị hại xong, bị hại không còn yêu cầu gì, đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là cây kiềm và giỏ xách.

Bị cáo, bị hại (ông K) không có ý kiến tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo không trình bày lời nói sau cùng”.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm*

trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Diệp N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cố ý xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông M, ông K, thiệt hại được xác định là 711.023 đồng, nhưng trước đó bị cáo đã có bị phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản chưa chấp hành xong, nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, ý thức của bị cáo biết rõ hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo cố tình thực hiện, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực về nhận thức cũng như điều khiển hành vi, nên bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi của bị cáo đã gây ra. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, nhằm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội và góp phần ổn định tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định theo quy định tại Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, để cho bị cáo có thời gian học tập, cải tạo và trở thành người công dân có ích cho xã hội sau này.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo không có tiền án, nhưng có 01 tiền sự, khi phạm tội trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng không phải là lần đầu. Nên có căn cứ cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, chứ không đủ căn cứ áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo mức hình phạt tù 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo tội danh, điều luật mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ xem xét, quyết định áp dụng hình phạt cụ thể cho bị cáo trong phần hình phạt. Đồng thời việc đề nghị của Kiểm sát viên về phân dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng chiếc xe mô tô là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng Cơ quan điều tra chưa điều tra được, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách thành vụ việc khác nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[5] Về hình phạt bổ sung , theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp , không có thu nhập , không có tài sản nào khác . Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự , tài sản đã được thu hồi trả cho các bị hại xong, các bị hại không còn yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét. Đối với cây kiềm và giỏ xách là công cụ dùng để thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng, nên áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy là đúng quy định.

[7] Bị cáo còn phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Diệp N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Diệp K - 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự:*

- Tài sản đã được thu hồi trả cho các bị hại xong.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng:*

Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây kiềm cộng lực và 01 cái giỏ xách bằng nhựa (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/12/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V).

4. *Về trách nhiệm nộp án phí:*

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội . Bị cáo Diệp K phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại (ông M) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THA DS TP V;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

